

Số: **991** /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **25** tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 646/TB-ĐHTCM-QLĐT ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học chính quy, chương trình theo định hướng ứng dụng của ngành Công nghệ tài chính – Mã ngành: 7340205.

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..✓

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT. ✓



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÍCH HỢP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành: CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

Định hướng ứng dụng

Thành phố Hồ Chí Minh, 2025

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH (Tiếng Việt): Công nghệ tài chính

TÊN NGÀNH (Tiếng Anh): Fintech

TRÌNH ĐỘ: Đại học (định hướng ứng dụng)

MÃ NGÀNH: 7340205

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2025

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
3. THÔNG TIN CHUNG	2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	2
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)	3
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	4
7. TUYỂN SINH	4
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
9. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC	8
10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	10
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO	41
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy	41
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác	45
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT	50
4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng	56
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	56
E. PHỤ LỤC	56
Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	56
Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	56
Phụ lục 3. Ma trận tương thích giữa học phần, khối lượng kiến thức với CĐR của CTĐT	57
Phụ lục 4. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành tài chính - ngân hàng với chương trình đào tạo của các trường khác	60

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **991** /QĐ-ĐHTCM ngày **25** tháng **3** năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Quyết định số 2651/QĐ-ĐHTCM ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần và chương trình tài năng trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Quyết định số 3279/QĐ-ĐHTCM ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học định hướng ứng dụng ngành Công nghệ tài chính theo hệ thống tín chỉ hiện tại được xây dựng theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học được khảo sát định kỳ; cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực

theo quy định của Nhà nước về khung năng lực, sự thay đổi về Triết lý giáo dục và cơ cấu hoạt động theo hướng tự chủ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian học tập trung bình 4 năm và 122 tín chỉ, trong đó thực hiện 6 tín chỉ tốt nghiệp.

Trường khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Công nghệ tài chính

3.2. Trình độ: Đại học

3.3. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

3.5. Mã ngành đào tạo: 7340205

3.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

3.7. Loại hình đào tạo: Chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 122 (chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3.9. Khoa quản lý: Khoa Tài chính - Ngân hàng

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt và Tiếng Anh

3.11. Chứng nhận chất lượng:

3.12. Website: <https://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn>

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh: Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM (HUB), Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL), University of Southampton Malaysia, Martin Tuchman School of Management

3.14. Năm rà soát, cập nhật: 2025

3.15. Vị trí việc làm: chuyên gia phân tích dữ liệu, phân tích tài chính, chuyên viên phần mềm, giảng viên.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình tập trung vào việc đào tạo người học theo định hướng ứng dụng Ngành Công nghệ tài chính. Người học ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kiến thức lý thuyết về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, kiến thức nền tảng cơ bản về khoa học dữ liệu và máy tính. Ngoài ra, người học có nền tảng nghiên cứu tốt, có thể học thêm cao học, nghiên cứu sinh tại các trường đại học,

cao đẳng trong nước và quốc tế. Với kiến thức về ngành tài chính, người học khi ra trường có thể làm việc ở các bộ phận khác nhau trong ngân hàng thương mại, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm,... Đồng thời, với thế mạnh về công nghệ người học có thể trở thành các chuyên gia phân tích dữ liệu, phân tích tài chính trong các công ty. Ngoài ra, các người học tốt nghiệp có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu hay làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức

- PO1: Vận dụng được những kiến thức công nghệ thông tin, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- PO2: Phân tích được những lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- PO3: Phân tích được chính sách và những vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu có liên quan đến lĩnh vực Công nghệ tài chính.

❖ Về kỹ năng:

- PO4: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và các kỹ năng lập luận, vận dụng các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- PO5: Có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ phù hợp của ngành Công nghệ tài chính để có thể giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn. Có khả năng cập nhật kiến thức mới, tinh thần học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

❖ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PO6: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.
- PO7: Có đủ năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp chuyên sâu và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức chuyên môn chung của ngành trong việc đánh giá, phản biện các vấn đề trong công việc.
- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin, toán kinh tế, phân tích dữ liệu, khởi nghiệp để thực hiện công việc thuộc ngành được đào tạo.
- PLO3: Phân tích được các lý thuyết và những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực Công nghệ tài chính và ứng dụng được trong thực tiễn của nền kinh tế - xã hội.
- PLO4: Phân tích được chính sách và các vấn đề thực tiễn chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ tài chính.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO5: Xử lý được các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc thuộc ngành được đào tạo.
- PLO6: Xử lý được các tình huống liên quan đến ứng dụng công nghệ, giải quyết bài toán kinh tế, xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp
- PLO7: Thực hiện được các phân tích để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành trong lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- PLO8: Giải quyết được các tình huống thực tế liên quan đến vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực Công nghệ tài chính.

❖ *Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

- PLO9: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- PLO10: Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát được những người khác thực hiện được nhiệm vụ.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 122 tín chỉ (chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	26	22%
	<i>Kiến thức lý luận chính trị</i>	<i>11</i>	
	<i>Kiến thức pháp luật</i>	<i>3</i>	
	<i>Ngoại ngữ</i>	<i>6</i>	
	<i>Toán – Tin</i>	<i>6</i>	
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	90	73%
2.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	<i>39</i>	<i>33%</i>
2.2	<i>Kiến thức ngành</i>	<i>30</i>	<i>25%</i>
2.3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	<i>15</i>	<i>11%</i>
a	<i>Học phần bắt buộc</i>	<i>9</i>	
b	<i>Học phần tự chọn</i>	<i>6</i>	
2.4	<i>Kiến thức bổ trợ ngành</i>	<i>6</i>	<i>5%</i>
3	Tốt nghiệp	6	5%
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>6</i>	
	Hoặc		
	<i>Thực tập cuối khóa</i>	<i>3</i>	
	<i>Học phần thay thế</i>	<i>3</i>	
	Tổng	122	100%

7. TUYỂN SINH

Hằng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)	
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT		TH
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương				26			
a	Kiến thức lý luận chính trị			11			
1	020477	Triết học Mác – Lênin	Marxist – Leninist phylosophy	3	3	0	X
2	020478	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist Leninist political economics	2	2	0	X
3	020479	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	2	2	0	X
4	020480	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	X
5	020016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	X
b	Kiến thức pháp luật			3			
6	020264	Pháp luật đại cương	General Law	3	3	0	X
c	Ngoại ngữ			6			
7	020903	Tiếng Anh trong kinh doanh	English for business	3	3	0	X
8	020904	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	Advanced English for business	3	3	0	X
d	Toán – Tin học			6			
9	020905	Năng lực số	Digital literacy	3	3	0	X
10	020906	Toán kinh tế	Mathematics for Business and Economics	3	3	0	X
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp				90			
a	Kiến thức cơ sở ngành			39			

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng			Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT	TH	
11	021047	Kinh tế học vi mô (Tiếng Anh)	Microeconomics	3	3	0	X
12	021048	Kinh tế học vĩ mô (Tiếng Anh)	Macroeconomics	3	3	0	X
13	020473	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh)	Principles of accounting	3	3	0	
14	021049	Nguyên lý Marketing (Tiếng Anh)	Principles of marketing	3	3	0	X
15	021050	Quản trị học (Tiếng Anh)	Principles of management	3	3	0	X
16	020041	Tài chính - Tiền tệ	Financial and Monetary theory	3	3	0	X
17	020910	Luật kinh doanh	Business law	3	3	0	
18	020071	Thuế	Taxation	3	3	0	X
19	020896	Tài chính doanh nghiệp (Tiếng Anh)	Corporate finance	3	3	0	X
20	020911	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Entrepreneurship and Innovation	3	3	0	X
21	020992	Kinh tế lượng	Econometrics	3	3	0	X
22	020912	Phát triển bền vững	Sustainable development	3	3	0	X
23	021060	Cơ sở lập trình	Principles of programming	3	3	0	
b	Kiến thức ngành			30			
24	021061	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	E-commerce system development	3	3	0	
25	021062	Công nghệ bảo hiểm	Insurtech	3	3	0	X
26	021063	Khai phá dữ liệu	Data mining	3	3	0	
27	020362	Tài chính Công	Public finance	3	3	0	
28	020046	Hành vi khách hàng	Customer behavior	3	3	0	
29	020915	Tài chính cá nhân	Personal finance	3	3	0	X
30	021064	Tài chính quốc tế	International finance	3	3	0	X

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng			Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT	TH	
31	021065	Cơ sở dữ liệu	Data base	3	3	0	
32	020435	Ngân hàng thương mại	Commercial bank	3	3	0	X
33	021066	Thị trường chứng khoán	Stock market	3	3	0	X
c	Kiến thức chuyên ngành			15	15	0	
Chuyên ngành 1				15	15	0	
Học phần bắt buộc				9	6	3	
34	021067	Tiền số và công nghệ blockchain	Cryptocurrency and blockchain technology	3	3	0	X
35	021068	Học máy	Machine learning	3	3	0	
36	021069	Thực hành nghề nghiệp công nghệ tài chính	Professional practice in fintech	3	0	3	
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)				6	6	0	
Nhóm 1							
37	021070	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	Database management and application in finance	3	3	0	X
38	021071	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	Big data analytics in finance	3	3	0	X
Nhóm 2							
39	021072	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử	E-payment system and Cryptocurrency technologies	3	3	0	X
40	021073	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	Artificial intelligence for quantitative trading	3	3	0	X
d	Kiến thức bổ trợ ngành:			6	6	0	
41	021074	Phân tích dữ liệu với Python	Python for data analysis	3	3	0	
42	021075	Hợp đồng thông minh	Smart contracts	3	3	0	X

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		Đào tạo trực tuyến <i>(ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)</i>	
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT		TH
3. Tốt nghiệp				6	0	0	
43	021077	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation thesis	6	0	6	
Hoặc							
44	021078	Thực tập cuối khóa	Graduation Internship	3	0	3	
45	021076	Học phần thay thế: Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính	Practical application of technology in finance	3	0	3	
Tổng số tín chỉ khóa học				122	116	6	

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

9.1. Phương pháp giảng dạy

❖ Lý thuyết:

Thuyết giảng: Giảng viên sử dụng lời nói để giảng dạy, truyền đạt kiến thức một cách logic; giảng viên sử dụng các công cụ hỗ trợ như giáo trình, bài giảng và các vật liệu giảng dạy khác; Người học lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi

Thảo luận nhóm: Giảng viên yêu cầu các người học phân chia nhóm; giảng viên giao chủ đề hoặc các bài tập tình huống dựa trên nội dung bài học, yêu cầu người học trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận

Báo cáo chuyên đề: Giảng viên yêu cầu người học làm việc theo các nhóm, phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận

Bài tập: Sử dụng các bài tập, câu hỏi các chương... hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để giải quyết các yêu cầu liên quan đến hoạt động ra quyết định và quản trị

Thuyết trình nhóm: Giảng viên cung cấp các chủ đề đề xuất, yêu cầu người học tự lập thành các nhóm, nghiên cứu về chủ đề trong khoảng thời gian xuyên suốt quá trình học, vận dụng các kiến thức học được để phân tích, giải thích, và đưa ra các quyết định về quản trị; sản phẩm là một bài thuyết trình hoàn chỉnh với công cụ nghe nhìn hỗ trợ.

❖ Thực hành:

Trình bày trực quan: Giảng viên hướng dẫn người học thực hiện các công việc; Người học lắng nghe, thực hành thử tại lớp, đặt câu hỏi khi có vướng mắc

Bài tập: Người học có thể làm việc cá nhân hoặc theo nhóm thực hiện các yêu cầu của giảng viên trong khuôn khổ bài tập nhóm được giao; làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận, chuẩn bị báo cáo các bài tập nhóm trong buổi học tiếp theo.

Thực hành: Người học có thể làm việc theo cá nhân hoặc làm việc nhóm; giảng viên sẽ cung cấp một chủ đề thực hành, có thể là tình huống thực tế, các yêu cầu chuyên môn, các sự cố... và yêu cầu người học giải quyết các vấn đề đặt ra trong khuôn khổ lớp học; mục tiêu của phương pháp giảng dạy này là giúp người học ứng dụng các kiến thức đã được học để giải quyết các vấn đề phát sinh trên thực tế, yêu cầu người học phải nhập vai để giải quyết vấn đề.

9.2. Phương pháp học tập của người học

❖ Hướng dẫn tự học:

Giảng viên hướng dẫn, cung cấp tài liệu, các nội dung yêu cầu tự học, thông báo về các tiêu chí đánh giá và yêu cầu về sản phẩm đạt được sau quá trình tự học (báo cáo, thuyết trình, câu hỏi, bài tập...)

Giảng viên có thể chia nhóm và quy định số lượng thành viên nhóm một cách cụ thể, chỉ định hoặc yêu cầu nhóm chọn ra nhóm trưởng để chịu trách nhiệm về hoạt động nhóm và làm đầu mối thông tin cho giảng viên, kiểm soát việc tự học trong nhóm.

❖ Tự học:

Trong trường hợp Tự học theo cá nhân: Người học làm việc theo cá nhân hoặc nhóm theo quy định của giảng viên, tự nghiên cứu bài giảng, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về nội dung, sản phẩm cần thực hiện.

Trong trường hợp Tự học theo nhóm:

+ Nhóm trưởng thay mặt nhóm làm việc và chịu trách nhiệm với giảng viên về công việc của nhóm mình; có trách nhiệm phân công công việc và đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

+ Các nhóm có trách nhiệm nghiên cứu nội dung tự học và hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Các sản phẩm được hoàn thiện và đánh giá theo yêu cầu được giảng viên đề ra từ trước.

9.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Người học tiến hành thực tập tại các tổ chức và doanh nghiệp cùng sự hướng dẫn, kèm cặp của Giảng viên. Giảng viên hướng dẫn người học nghiên cứu lý thuyết, tiếp xúc với công việc, xây dựng một thái độ cầu thị, lắng nghe các yêu cầu từ phía nhà quản lý lao động, tuân thủ theo quy định của Nhà Trường, Khoa, Bộ môn, và tổ chức/doanh nghiệp; đặt ra các yêu cầu đối với việc thực tập mà người học cần đáp ứng, qua đó thể hiện khả năng ứng dụng các kiến thức đã được học tập vào thực tiễn để phân tích, lựa chọn, và ra quyết định quản trị trong điều kiện thực tiễn.

9.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
Thuyết giảng	X	X	X	X			X	X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X	X			X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X		X	X	X	X
Thuyết trình nhóm			X	X				X	X	
Trình bày trực quan			X	X			X	X		
Bài tập			X	X			X	X		X
Thực hành		X	X	X	X	X	X	X		X

10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quyết định số 3447/QĐ-ĐHTCM ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

10.1. Lý thuyết

- + Chuyên cần: Đánh giá mức độ tích cực tham gia hoạt động trên lớp của người học
- + Kiểm tra thường xuyên: Thông qua các hình thức thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, bài tập nhóm, kiểm tra giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm, tự luận, hoặc trắc nghiệm kết hợp tự luận.
- + Thi kết thúc học phần: Thông qua các hình thức thi cuối kỳ (trắc nghiệm, tự luận, hoặc trắc nghiệm kết hợp tự luận) và tiểu luận.

10.2. Thực hành

- + Kiểm tra thường xuyên: Thông qua các hình thức thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, bài tập nhóm.
- + Thi kết thúc học phần: Thông qua hình thức Tiểu luận cuối kỳ hoặc Thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm, tự luận, hoặc trắc nghiệm kết hợp tự luận.

10.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
I. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần	X				X					
1.2 Bài tập nhóm	X	X				X				X
1.3. Bài tập cá nhân		X	X				X			
1.4. Mời nói chuyện chuyên đề				X				X	X	X
1.5 Kiểm tra	X		X	X	X	X	X		X	
II. Đánh giá cuối kỳ										
2.1 Bài thi tự luận		X		X				X	X	
2.2 Bài thi trắc nghiệm		X		X				X	X	
2.3 Tiểu luận		X		X				X	X	X
2.4 Bài thi kết hợp	X		X	X	X	X	X		X	
B. CÁC HỌC PHẦN THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP										
❖ Thực hành nghề nghiệp:										
I. Đánh giá quá trình										
1.1. Điểm chuyên cần tham gia các buổi thực hành tại doanh nghiệp				X				X	X	X
1.2. Điểm chuyên cần tham gia các buổi làm việc với giảng viên				X				X	X	X
1.3. Kiến thức				X				X	X	X
1.4. Thời gian, tiến độ thực hiện trong quá trình thực hiện bài thu hoạch				X				X	X	X
II. Đánh giá cuối kỳ										
2.1. Báo cáo thực hành nghề nghiệp				X				X	X	X
❖ Khóa luận tốt nghiệp:										
I. Đánh giá quá trình										
1.1. Nhật ký thực tập			X	X			X	X	X	X
1.2. Điểm chuyên cần tham gia các buổi làm việc với giảng viên			X	X			X	X	X	X
1.3. Kiến thức			X	X			X	X	X	X
1.4. Thời gian, tiến độ thực hiện trong quá trình thực hiện Khóa luận tốt nghiệp			X	X			X	X	X	X

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
II. Đánh giá cuối kỳ										
2.1. Khoá luận tốt nghiệp			X	X			X	X	X	X
❖ Thực tập cuối khoá:										
I. Đánh giá quá trình										
1.1. Nhật ký thực tập			X	X			X	X	X	X
1.2. Điểm chuyên cần tham gia các buổi làm việc với giảng viên			X	X			X	X	X	X
1.3. Kiến thức			X	X			X	X	X	X
1.4. Thời gian, tiến độ thực hiện trong quá trình thực hiện Thực tập tốt nghiệp			X	X			X	X	X	X
II. Đánh giá cuối kỳ										
2.1. Thực tập tốt nghiệp			X	X			X	X	X	X

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học Ngành Công nghệ tài chính được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm. Thời gian tối đa là 7 năm.

Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo và kế hoạch đào tạo

a) Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

b) Kế hoạch đào tạo:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3	Không	
2	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	Không	
3	Kinh tế học vi mô	3	Không	
4	Nguyên lý kế toán	3	Không	
5	Quản trị học	3	Không	
6	Nguyên lý Marketing	3	Không	
7	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Triết học Mác – Lênin	
8	Pháp luật đại cương	3	Triết học Mác – Lênin	
9	Kinh tế học vĩ mô	3	Kinh tế học vi mô	
10	Cơ sở dữ liệu	3	Không	
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
12	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	Tiếng Anh trong kinh doanh	
13	Tài chính – Tiền tệ	3	Kinh tế học vĩ mô	
14	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	Kinh tế học vi mô; Quản trị học	

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2	Toán kinh tế	3	Kinh tế học vĩ mô	
3	Luật kinh doanh	3	Pháp luật đại cương	
4	Hành vi khách hàng	3	Nguyên lý marketing	
5	Tài chính cá nhân	3	Tài chính – tiền tệ	
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
7	Kinh tế lượng	3	Toán kinh tế	
8	Thuế	3	Không	
9	Năng lực số	3	Không	
10	Tài chính công	3	Tài chính – Tiền tệ	
11	Tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính – Tiền tệ	
12	Tài chính quốc tế	3	Tài chính – Tiền tệ	
13	Ngân hàng thương mại	3	Tài chính – Tiền tệ	
14	Thị trường chứng khoán	3	Tài chính – Tiền tệ	
15	Cơ sở lập trình	3	Không	

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Công nghệ bảo hiểm	3	Tài chính – Tiền tệ	
2	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3	Tài chính – Tiền tệ	
3	Phát triển bền vững	3	Kinh tế học vĩ mô	
4	Khai phá dữ liệu	3	Không	
5	Tiền số và công nghệ Blockchain	3	Tài chính – Tiền tệ	
6	Thực hành nghề nghiệp công nghệ tài chính	3	Các học phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành	
7	Học máy	3	Cơ sở dữ liệu	
8	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	3	Cơ sở dữ liệu	Nhóm 1
9	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	3	Cơ sở dữ liệu	
10	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử	3	Tài chính – Tiền tệ	Nhóm 2
11	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	3	Máy học	
Kiến thức bổ trợ ngành				
12	Phân tích dữ liệu với Python	3	Cơ sở dữ liệu	
13	Hợp đồng thông minh	3	Tài chính – Tiền tệ	

Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	Các học phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành	
Hoặc				
2.1	Thực tập cuối khóa	3	Các học phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành	
2.2	Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính	3	Các học phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành	

11.3. Tổ chức thi kết thúc học phần

Công tác tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành.

11.4. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

a) Điều kiện tốt nghiệp

❖ Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:

Căn cứ Quyết định số 2651/QĐ-ĐHTCM ngày 27 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần và chương trình tài năng trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

❖ Điều kiện về kỹ năng mềm:

Người học phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian.
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm.
- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả.
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định.
- Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm.
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo.

❖ Điều kiện về ngoại ngữ:

Có năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Điều kiện về tin học:

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;
- Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Cấp bằng đại học, cấp bằng điểm

- Cấp bằng, phụ lục văn bằng đại học: khi người học đáp đầy đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước.

- Cấp bằng điểm: khi người học đáp đầy đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước, hoặc khi người học có yêu cầu.

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Triết học Mác – Lênin

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng: Lĩnh hội những tri thức căn bản, có tính hệ thống về triết học Mác – Lênin, sử dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật trong việc học tập những môn học khác và nhận thức, đánh giá các vấn đề trong công việc. Từ đó có niềm tin vào các quan điểm của bản thân và khả năng bảo vệ được các quan điểm đó.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Triết học Mác – Lênin được cấu trúc thành 3 chương. Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của người học vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác – Lênin. Từ việc lĩnh hội tri thức của học phần, người học thấy rõ ý nghĩa phương pháp luận việc vận dụng triết học Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng như những lợi ích mà người học có được khi đến với học phần này.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Có khả năng hình thành những kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển của đất nước và bản thân người học. Qua đó góp phần giúp người học xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với người học

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp kiến thức cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin và một số vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nội dung kinh tế chính trị Mác – Lênin trong học phần tập trung vào hàng hoá, thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền. Những vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ được chọn lọc trong học phần bao gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội, quan hệ lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R)

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị hệ thống kiến thức căn bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học. Có khả năng sử dụng kiến thức đã học để xem xét, giải thích những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO (R); PLO9(R).

4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có những hiểu biết mang tính hệ thống về Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời đến nay; người học có khả năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng kiến thức lịch sử đã học vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, người học được nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố, bồi đắp niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 4 chương, trang bị cho người học sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước

(1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

5. Tư Tưởng Hồ Chí Minh Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 6 chương, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

6. Pháp luật đại cương Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần Pháp luật đại cương đặt mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản nhất, khái quát nhất về nhà nước và pháp luật, nhằm tạo nền tảng vững chắc để người học tiếp tục học tập các học phần khác thuộc lĩnh vực pháp luật trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, với kiến thức và kỹ năng được trang bị, người học có thể tìm kiếm và áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề thông thường trong công việc và cuộc sống một cách hợp pháp với ý thức pháp luật

đúng đắn.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm hai phần: Phần I: Những vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật và Phần II: Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phần I chuyển tải những vấn đề lý luận cơ bản nhất của nhà nước (như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng; hình thức của nhà nước và bộ máy nhà nước) và pháp luật (nguồn gốc, sự hình thành, khái niệm, bản chất, thuộc tính, chức năng, vai trò của pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần II cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, quan hệ pháp luật và nội dung cốt lõi của một số chế định của một số ngành luật thuộc lĩnh vực luật tư (gồm Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động, Luật Tố tụng dân sự). Ngoài ra, học phần còn trang bị những kiến thức quan trọng của Luật Phòng chống tham nhũng và quyền con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO7(R), PLO10(R).

7. Tiếng Anh trong kinh doanh

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần hướng đến giúp người học vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó người học phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh trong kinh doanh được xây dựng dành cho người học không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn, Đặc thù, Tài năng, Tích hợp. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng giao tiếp thực tế trong môi trường kinh doanh, thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại nơi làm việc. Học phần trang bị cho người học kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài liên quan đến các hoạt động marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế..., để có thể chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO5(R), PLO10(I)

8. Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh trong kinh doanh

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần hướng đến giúp người học phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống giao tiếp trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của người học về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, người học phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho người học thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao được xây dựng dành cho người học không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn, Đặc thù, Tài năng hoặc Tích Hợp, sau khi học xong học phần Tiếng Anh trong kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Người học được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO5(M), PLO10(I).

9. Năng lực số

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hiểu được khái niệm năng lực số, tầm quan trọng của năng lực số trong công việc, khung năng lực số theo tiêu chuẩn của người lao động trong thời đại Công nghệ 4.0; Các ứng dụng của năng lực số trong công việc cũng như kỹ năng phát triển năng lực số. Nội dung học phần đảm bảo trang bị đầy đủ các kiến thức để thích ứng, làm chủ công nghệ số, phát triển kỹ năng số giúp người học có thể nâng cao khả năng tự học, dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và theo kịp sự phát triển của thời đại công nghệ số. Hệ thống bài tập thực hành giúp người học trau dồi kỹ năng vận dụng linh hoạt các phương pháp giải quyết vấn đề theo từng tình huống, tích lũy kinh nghiệm và phát triển năng lực số nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của mình. Ngoài ra, người học được rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm bảo quản tài sản và an

toàn thông tin trong quá trình học

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học các nội dung như khái niệm năng lực số, khung năng lực số, nhóm năng lực số tại Việt Nam như: truy cập và đánh giá thông tin một cách hiệu quả trên môi trường số; khả năng tạo ra các nội dung số; Áp dụng được phân tích dữ liệu; biết cách khai thác, quản lý thông tin và dữ liệu,... một cách sáng tạo và hiệu quả. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học an toàn và an ninh số, những kiến thức nhất định về các công cụ chuyên môn trong lĩnh vực nghề nghiệp, áp dụng công nghệ để tối ưu hóa hiệu quả công việc và nắm vững các xu hướng công nghệ mới trong ngành nghề

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO9(R), PLO10(R).

10. Toán kinh tế

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

- Biết vận dụng các khái niệm và phép toán về ma trận, định thức, hệ phương trình, giải một số mô hình đại số và tuyến tính trong kinh tế.

- Nắm vững và hiểu sâu sắc các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm của hàm số để áp dụng trong kinh tế và kinh doanh. Biết vận dụng phép toán vi tích phân và các ứng dụng của nó vào bài toán kinh tế, tài chính. Vận dụng được các kiến thức về hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân giải quyết các bài toán, mô hình kinh tế cụ thể

- Thành thạo việc sử dụng công cụ cũng như các phương pháp toán học vào giải quyết các vấn đề, bài toán, mô hình Kinh tế học vi mô và vĩ mô cụ thể; các mô hình cân bằng, mô hình input – output của Leontief, giá trị cân biên, hệ số co giãn, bài toán tối ưu một biến, mô hình cực trị tự do, cực trị có điều kiện trong kinh tế và kinh doanh.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kiến thức các khái niệm và phép toán về ma trận, định thức, hệ phương trình, giải một số mô hình đại số và tuyến tính trong kinh tế. Nắm vững và hiểu sâu sắc các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm của hàm số để áp dụng trong kinh tế và kinh doanh. Biết vận dụng phép toán vi tích phân và các ứng dụng của nó vào bài toán kinh tế, tài chính. Vận dụng được các kiến thức về hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân giải quyết các bài toán, mô hình kinh tế cụ thể; Thành thạo việc sử dụng công cụ cũng như các phương pháp toán học vào giải quyết các vấn đề, bài toán, mô hình Kinh tế học vi mô và vĩ mô cụ thể :các mô hình cân bằng , mô hình input – output của Leontief, giá trị cân biên, hệ số co giãn, bài toán tối ưu một biến, mô hình cực trị tự do, cực trị có điều kiện trong kinh tế và kinh doanh

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO3(R), PLO4(R), PLO5(R), PLO9(I).

11. Kinh tế học vi mô**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu về cung và cầu và các lực lượng cơ bản xác định trạng thái cân bằng trên thị trường, hành vi của người tiêu dùng và phân tích các quyết định của người tiêu dùng. Học phần này cũng đề cập đến các doanh nghiệp và các quyết định của họ về sản xuất tối ưu và tác động của các cấu trúc thị trường khác nhau đối với hành vi của các doanh nghiệp như các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh.... Học phần này còn nghiên cứu quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào. Ngoài ra, học phần này còn tìm hiểu những khuyết tật của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R), PLO9(R).

12. Kinh tế học vĩ mô**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến Kinh tế học vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu Kinh tế học vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của Kinh tế học vĩ mô để giúp người học hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Người học sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, người học cũng được giới thiệu các công cụ chính sách Kinh tế học vĩ mô của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R).

13. Nguyên lý kế toán**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học hiểu được những nội dung cơ bản về kế toán; có khả năng vận dụng được các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo kế toán trong doanh nghiệp. Đồng thời, người học có thể tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên tắc, đối tượng và nội dung các phương pháp kế toán. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO6(I), PLO7(I), PLO9(R).

14. Nguyên lý marketing

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Nguyên lý marketing cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, người học có thể giải thích được bản chất marketing và vai trò của hoạt động marketing đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội. Bên cạnh đó, học phần giúp người học có thể vận dụng được các kiến thức căn bản về marketing để phân tích môi trường marketing, đánh giá hoạt động marketing và đề xuất giải pháp marketing cho doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, tập trung phân tích kiến thức căn bản về marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung liên quan đến công tác triển khai các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, phân tích các nội dung căn bản của phối thức marketing liên quan đến chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược truyền thông marketing.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO3(I), PLO7(I), PLO9(I), PLO10(I).

15. Quản trị học

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết tổng quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PL01(I), PL05(I), PL10(R).

16. Tài chính – Tiền tệ

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức liên quan đến lý luận kinh tế cơ bản để người học hiểu được các vấn đề liên quan đến phạm trù tài chính và tiền tệ; nhận định và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù Tiền tệ như tín dụng, lãi suất, lạm phát, tỷ giá,.. và các định chế liên quan đến quá trình lưu thông tiền tệ như NHTM, NHTW; nhận định và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù Tài chính gồm công cụ, định chế và các chủ thể trong hệ thống tài chính,.. Từ đó, học phần có thể hỗ trợ người học đưa ra quyết định cơ bản liên quan đến đầu tư như tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư; so sánh các cơ hội đầu tư; so sánh giữa lợi ích và rủi ro; đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản trên các tín hiệu thị trường. Kỳ vọng, người học có kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể trở thành những người thông thái và có thể nhận định, phân tích và ra quyết định liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Tài chính – Tiền tệ là học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá cũng như các thị trường tài chính. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của hệ thống tài chính và các chủ thể trong hệ thống tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính các trung gian tài chính cũng

như tài chính quốc tế cũng như mối quan hệ giữa các chủ thể trong bối cảnh về kinh tế vĩ mô. Từ đó người học có cơ hội lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính dựa trên các tình huống thực tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

17. Luật Kinh doanh

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Pháp luật đại cương

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và kiến thức pháp lý cơ bản nhất về thành lập, tổ chức và hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế; đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để tìm kiếm và áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan trong hoạt động kinh doanh, từ đó hình thành ý thức kinh doanh có trách nhiệm.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 5 chương. Sau khi được trang bị những kiến thức Tổng quan về Luật Kinh doanh (Chương 1), người học được tiếp cận với pháp luật thực định điều chỉnh quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của các chủ thể kinh doanh (gồm hộ kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã), tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp (Chương 2). Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp người học nghiên cứu và vận dụng pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, nhất là các hợp đồng thông dụng như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ... (Chương 3). Pháp luật về chấm dứt hoạt động kinh doanh bằng hình thức phá sản được chuyển tải trong Chương 4. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh (theo quy định của pháp luật) thuộc chương cuối cùng (Chương 5).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(I), PLO8(R), PLO10(R).

18. Thuế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, cơ sở lý luận về thuế nhằm giúp người học hiểu được tổng quan về thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và những nội dung chủ yếu của các sắc thuế đang được áp dụng hiện nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng cơ bản để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp; từng bước hình thành ý thức tuân thủ các quy định pháp luật của người nộp thuế, và đạo đức nghề nghiệp của người thực hiện chính sách thuế.

▪ *Tóm tắt nội dung*

Học phần này là học phần bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành của Trường Đại học Tài chính – Marketing. Học phần cung cấp cho người học những nội dung tổng quan

về thuế và các sắc thuế cụ thể tại Việt Nam gồm: thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Nội dung của mỗi sắc thuế gồm những quy định của pháp luật thuế về: Đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, thời hạn kê khai và nộp thuế, quyết toán thuế ở mức độ cơ bản.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R), PLO10(R).

19. Tài chính doanh nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan nội dung tổ chức hoạt động của tài chính doanh nghiệp, vận dụng được các công cụ chủ yếu và các phương pháp liên quan đến tài chính doanh nghiệp. Từ đó người học ra được các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp. Kỳ vọng người học có thể tính toán được: giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, xác định chi phí sử dụng các nguồn tài trợ thành phần, chi phí sử dụng vốn bình quân, chi phí sử dụng vốn biên tế và thẩm định tài chính của các dự án đầu tư dài hạn.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn khái quát nội dung hoạt động của tài chính doanh nghiệp. Những kiến thức của học phần được trình bày một cách có hệ thống từ những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp đến những ứng dụng thực tế trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Môn học tập trung nghiên cứu về tài chính doanh nghiệp và các công cụ hỗ trợ để ra quyết định trong quản trị tài chính doanh nghiệp như: tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình định giá chứng khoán, mô hình xác định chi phí sử dụng vốn, phương pháp lựa chọn dự án đầu tư dài hạn và các nguồn tài trợ doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

20. Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô; Quản trị học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần giúp người học xây dựng một góc nhìn và thái độ tích cực đối với hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức ban đầu, giúp người học dễ dàng tiếp cận các học phần kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo; trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ thông dụng trong hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá và đưa ra các lựa chọn trong kinh doanh để thiết lập một mô hình kinh doanh, triển khai đưa ý tưởng của mình vào thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần đóng vai trò tiền đề cung cấp cho người học một cái nhìn bao quát về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Qua học phần này, người học sẽ được đào tạo các kiến thức sơ khởi và cơ bản thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh và Tiếp thị, góp phần giúp họ tiếp cận tốt hơn với các học phần kiến thức ngành và chuyên ngành trong tổng thể chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, học phần cũng hướng dẫn người học sử dụng một số công cụ thông dụng hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo; qua đó củng cố sự tự tin và thái độ tích cực, khuyến khích rèn luyện kỹ năng tư duy, phát triển các ý tưởng kinh doanh, năng lực đánh giá, phân tích để lựa chọn và xây dựng một kế hoạch khởi nghiệp hoàn chỉnh về cấu trúc và đáp ứng yêu cầu về nội dung theo tiêu chuẩn học phần đề ra.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO7(I), PLO8(R), PLO9(I), PLO10(R).

21. Kinh tế lượng

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy đa biến, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho người học cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO3(I), PLO4(R), PLO5(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(I).

22. Phát triển bền vững

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Phát triển bền vững được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức và thái độ sống, học tập và làm việc trước xu thế tất yếu, không thể né tránh hay phủ nhận của thời đại. Thông qua các nội dung được giảng dạy và thảo luận, người học ý thức được các vấn đề của một quá trình phát triển đáp ứng nhu cầu mọi mặt của xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục phát triển của thế hệ tương lai, từ đó có thái độ và hành vi đúng đắn trong mọi hoạt động của đời sống từ sinh hoạt cá nhân đến lao động, sản xuất, kinh

doanh và các hoạt động khác.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần đưa ra những vấn đề khái quát chung về phát triển bền vững bao gồm các khái niệm, nguyên tắc và lý thuyết về phát triển bền vững. Cung cấp các kiến thức để người học: Hiểu, luận giải, phân tích, đánh giá các vấn đề trên cơ sở 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Nội dung chính của học phần sẽ đề cập đến vấn đề phát triển bền vững ở 7 lĩnh vực kinh tế - xã hội như: Tăng trưởng lành mạnh; Công nghiệp và hạ tầng; Tài nguyên; Giáo dục và y tế; Năng lượng; Bình đẳng xã hội; và Chính sách phát triển bền vững. Thông qua các nội dung của học phần, người học được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các khía cạnh phát triển bền vững ở Việt Nam, từ đó hình thành tư duy phản biện độc lập để có những hàm ý chính sách cho các cấp quản lý nhà nước.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R) PLO10(R).

23. Cơ sở lập trình

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần: Không

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để nắm vững ngôn ngữ lập trình Python. Thông qua các nội dung được giảng dạy, người học sẽ phân biệt được đặc điểm của ngôn ngữ Python, hiểu rõ kiến thức cơ bản về thuật toán và chương trình như hằng, biến, toán tử, lệnh, khối lệnh, phép gán và kiểu dữ liệu. Người học sẽ hiểu rõ cú pháp và cách thức hoạt động của các cấu trúc điều khiển, cùng với các kỹ thuật lập trình căn bản để giải quyết các bài toán vận dụng cơ bản. Học phần cũng giúp người học xác định được mảng và các thao tác trên mảng như khai báo mảng, các thao tác nhập, xuất, và truy cập tới từng phần tử của mảng. Người học sẽ phân biệt được cách sử dụng hàm trong chương trình, hiểu rõ cú pháp của hàm có giá trị trả về và hàm không có giá trị trả về, cách thức hoạt động và tầm vực các loại tham số. Họ sẽ thành thạo kỹ thuật xây dựng, thiết kế, sử dụng chương trình con và ứng dụng đệ quy. Ngoài ra, người học sẽ phân biệt được kiểu dữ liệu có cấu trúc (struct) và cách thao tác cơ bản trên struct. Họ sẽ thành thạo các thao tác chính trên solution, project, và các thao tác cơ bản khác trên môi trường Visual Studio Code. Cuối cùng, học phần sẽ giúp người học phân biệt được các lỗi thông dụng và cách sửa lỗi cho chương trình, vận dụng các cấu trúc điều khiển phù hợp và linh hoạt trong việc sử dụng các cấu trúc điều khiển để giải quyết một số bài toán quản lý thực tế trên máy tính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kiến thức nền căn bản của ngôn ngữ lập trình: khai báo biến, hằng, hàm; kiểu dữ liệu; cấu trúc điều khiển; mảng; cấu trúc; tầm vực hoạt động của biến đến cách thức thiết kế, xây dựng một chương trình cụ thể xử lý được các bài toán thực tế. Học phần sử dụng làm nền tảng kiến thức cho các môn học lập trình kế tiếp trong chương

trình học. Giúp người học làm quen với ngôn ngữ lập trình Python, Visual Studio Code... như: cửa sổ làm việc, công cụ khai thác, thao tác trên chương trình, sửa lỗi (debug), chạy chương trình và xử lý dữ liệu. Cung cấp tư duy lập trình, từ nhu cầu, bài toán thực tế, người học tiếp cận lựa chọn giải pháp, xây dựng mô hình thuật giải thông qua lưu đồ, mã giả, ... để giải quyết các vấn đề được nêu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R), PLO10(R).

24. Phát triển hệ thống thương mại điện tử **Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể hiểu được tổng quan về thương mại điện tử và phát triển hệ thống thương mại điện tử. Phát triển hệ thống thương mại điện tử yêu cầu sự hiểu biết và hợp tác giữa nhà phát triển hệ thống và người sử dụng. Thông qua học phần này, người học có thể hiểu được vai trò của những chủ thể tham gia trong quá trình phát triển hệ thống thương mại điện tử. Ngoài ra, người học có khả năng thiết kế, xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống thương mại điện tử.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về thương mại điện tử và phát triển hệ thống thương mại điện tử, bao gồm: cơ sở hạ tầng thương mại điện tử; các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử; vấn đề công nghệ trong thương mại điện tử; vấn đề bảo mật khi thực hiện giao dịch thương mại điện tử; quy trình thiết kế, xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống thương mại điện tử.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

25. Công nghệ bảo hiểm **Tín chỉ: 03**

❖ Học phần học trước:

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị những kiến thức về các công nghệ kinh doanh bảo hiểm mới, hiểu và phá vỡ mô hình bảo hiểm hiện tại, chiến lược thu hút khách hàng và cách tổ chức cấu trúc công ty của bạn để tận dụng các cơ hội cải thiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Công nghệ bảo hiểm là học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Fintech. Học phần cung cấp cho người học kiến thức để sử dụng các sáng tạo công nghệ được thiết kế để triệt để tận dụng các khoản tiết kiệm và hiệu quả từ mô hình ngành bảo hiểm hiện tại. Công nghệ bảo hiểm cung cấp các kiến thức để người học khám phá các mảng kinh doanh mà các công ty bảo hiểm lớn có ít động lực để khai thác, chẳng hạn như cung cấp các chính sách

cực kỳ tùy chỉnh, bảo hiểm xã hội và sử dụng các luồng dữ liệu mới từ các thiết bị kết nối internet đến việc tính phí bảo hiểm linh hoạt theo hành vi quan sát được.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

26. Khai phá dữ liệu Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Khai phá dữ liệu được xây dựng để hỗ trợ Người học phát triển nâng cao khả năng nhận diện và phân tích dữ liệu trong một tổ chức. Từ đó ứng dụng các phương pháp khai thác dữ liệu phù hợp để tìm ra được các quy luật tiềm ẩn bên trong dữ liệu, phục vụ cho việc đánh giá, dự đoán, ra quyết định trong các bài toán kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Khai phá dữ liệu được xây dựng để hỗ trợ người học phát triển nâng cao khả năng nhận diện và phân tích dữ liệu trong một tổ chức. Từ đó ứng dụng các phương pháp khai thác dữ liệu phù hợp để tìm ra được các quy luật tiềm ẩn bên trong dữ liệu, phục vụ cho việc đánh giá, dự đoán, ra quyết định trong các bài toán kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R)

27. Tài chính công

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Quản trị học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần cung cấp kiến thức về vai trò của tài chính công như là một công cụ trong việc thực hiện chức năng của chính phủ hiện đại. Trong đó nêu lên nguyên tắc phân bổ hiệu quả nguồn lực của nền kinh tế. Đề cập đến những vấn đề mà chính phủ phải giải quyết thông qua công cụ tài chính. Trang bị cho người học cái nhìn về trách nhiệm của chính phủ cũng như chức năng của tài chính công trong việc thực hiện các vấn đề mà xã hội và nền kinh tế của một quốc gia đặt ra. Đồng thời xây dựng cho người học một tư duy đánh giá, hoạch định hoặc phản biện những chính sách tài chính của chính phủ trước những vấn đề của thời đại.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu chính phủ và vai trò của chính phủ trong mối quan hệ với các bộ phận khác của nền kinh tế. Người học sẽ được giải thích các nguyên tắc vận hành của chính phủ thông qua các thất bại của thị trường. Tiếp theo, học phần sẽ nêu các bộ phận hợp thành hệ thống tài chính công của Việt Nam, cung cấp các khái niệm, nội dung và trách nhiệm của chính phủ và các chủ thể khác trong nền kinh tế để giải quyết các vấn đề như: Hàng hóa công; Phân phối lại thu nhập; Ngoại tác; Tác động của thuế và vấn đề Cân đối ngân sách nhà nước... Thông qua các nội dung của học phần, người học

được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các khía cạnh kinh tế xã hội của Việt Nam, từ đó hình thành tư duy phản biện độc lập để có những hàm ý chính sách cho các cấp quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

28. Hành vi khách hàng

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Nguyên lý marketing

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần:

Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng gồm: người tiêu dùng cá nhân và người tiêu dùng tổ chức. Các nội dung được xem xét đối với người tiêu dùng cá nhân gồm khái niệm hành vi người tiêu dùng, các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng và các giai đoạn của quá trình quyết định mua hàng. Đối với người tiêu dùng tổ chức và hành vi mua của người tiêu dùng tổ chức bao gồm thị trường và hành vi mua của các doanh nghiệp sản xuất, thị trường và hành vi mua của các tổ chức thương mại, thị trường và hành vi mua của các tổ chức Nhà nước. Với việc nghiên cứu về hành vi người tiêu dùng giúp người làm công tác Marketing có thể xây dựng được chiến lược Marketing thích hợp cho từng đoạn thị trường.

▪ Tóm tắt nội dung:

Học phần này thuộc khối kiến thức ngành Marketing. Hoạt động marketing đòi hỏi các nhà quản trị marketing phải đưa ra các chiến lược chính xác đem lại hiệu quả cao cho hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên để có được những chiến lược Marketing hiệu quả nhà quản trị cần nắm bắt đầy đủ và rõ ràng những hành vi của nhóm khách hàng mục tiêu và những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua của họ. Học phần hành vi người tiêu dùng đi vào phân tích các yếu tố tác động đến hành vi mua của người tiêu dùng và quá trình ra quyết định mua hàng hoá của họ. Với học phần này đối tượng cần nắm bắt không chỉ là người tiêu dùng cá nhân mà còn phải hiểu thị trường và hành vi của nhóm khách hàng tổ chức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(R), PLO9(R), PLO10(R).

29. Tài chính cá nhân

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần:

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan nội dung về tài chính cá nhân. Từ đó người học ra được các quyết định hoạch định tài chính cá nhân. Kỳ vọng người học có thể thực hiện được: lập kế hoạch tài chính cá nhân, tính toán và cân đối được thu nhập, tiết kiệm và chi tiêu, lập ngân sách và quản lý chi tiêu, tính toán được thuế thu nhập cá nhân, tính toán được cần đầu tư theo những lớp tài sản đầu tư, lập kế hoạch quản trị rủi ro, lập kế hoạch hưu trí và lập kế hoạch thừa kế

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn khái quát nội dung hoạt động của tài chính cá nhân. Những kiến thức của học phần được trình bày một cách có hệ thống từ những vấn đề cơ bản của tài chính cá nhân đến những ứng dụng thực tế trong hoạch định tài chính cá nhân: Khái niệm, mục tiêu, vai trò của tài chính cá nhân, công cụ quản lý tài chính cá nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến tài chính cá nhân và kế hoạch tài chính cá nhân; những nội dung về thu nhập, tiết kiệm, chi tiêu; lập ngân sách và quản lý chi tiêu, quản lý tín dụng và nợ vay, thuế thu nhập cá nhân; những vấn đề về đầu tư; về rủi ro và bảo hiểm; kế hoạch hưu trí, các nguồn thu nhập cho thời kỳ hưu trí, kế hoạch thừa kế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

30. Tài chính quốc tế

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học nhận biết và giải thích các vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế vĩ mô dựa trên các lý thuyết ngang bằng quốc tế. Người học sẽ có khả năng phân tích và dự báo biến động tỷ giá, lựa chọn các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá phù hợp, và tự tin làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Môn học cũng giúp người học phát huy tư duy sáng tạo và linh hoạt trong việc đưa ra những quyết định tài chính khi thực hiện mua/bán ngoại tệ, phòng ngừa rủi ro tỷ giá, cũng như lựa chọn các hình thức kinh doanh ngoại hối phù hợp với tình hình biến động thị trường tài chính quốc tế. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể đảm nhận các vị trí công việc như chuyên viên phân tích tài chính quốc tế, chuyên viên quản lý rủi ro tỷ giá, và chuyên viên kinh doanh ngoại hối tại các ngân hàng, công ty tài chính, và các tổ chức tài chính quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về thị trường tài chính quốc tế, hoạt động chu chuyển vốn giữa các quốc gia, và thị trường phái sinh tiền tệ. Người học sẽ hiểu rõ các vấn đề liên quan tới biến động tỷ giá và phòng ngừa rủi ro tỷ giá, cùng với mối tương quan giữa các thị trường và nền kinh tế các quốc gia thông qua các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Nội dung học phần cũng phân tích các yếu tố tác động đến tỷ giá, hệ thống tiền tệ quốc tế, và các lựa chọn chính sách tỷ giá của chính phủ trong mối quan hệ với chính sách tiền tệ, hội nhập tài chính và chính sách ngoại thương. Môn học cũng chú trọng vào thực hành thảo luận, phân tích và xử lý tình huống liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế, quản trị rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương mại hay đầu tư quốc tế, cũng như các giải pháp ứng phó với các vấn đề khủng hoảng tài chính toàn cầu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

31. Cơ sở dữ liệu**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần giúp người học hiểu được các khái niệm về dữ liệu, thông tin, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ứng dụng của cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực khác nhau, các mô hình dữ liệu thông dụng. Biết cách thực hiện chuyển đổi các thành phần và mối quan hệ của mô hình thực thể - kết hợp sang mô hình quan hệ. Áp dụng được các phép toán đại số quan hệ và ngôn ngữ truy vấn SQL để giải quyết yêu cầu truy vấn. Sử dụng được công cụ phần mềm để thực hiện câu lệnh truy vấn, tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Xác định và cài đặt được ràng buộc toàn vẹn dữ liệu, phụ thuộc hàm, bao đóng, phủ tối thiểu, khóa trong cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa khi phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu. Xác định được dạng chuẩn và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, tập trung các kiến thức liên quan đến mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ. Người học được học các kiến thức về mô hình thực thể kết hợp, mô hình quan hệ và đại số quan hệ, chuyển đổi mô hình thực thể kết hợp sang mô hình quan hệ, phụ thuộc hàm, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quan hệ và ngôn ngữ truy vấn SQL thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

32. Ngân hàng thương mại**Tín chỉ: 03**

- ❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan các hoạt động của ngân hàng thương mại, phân tích đánh giá được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại. Từ đó ra được các quyết định liên quan đến các nghiệp vụ của các ngân hàng thương mại. Kỳ vọng người học có thể đảm nhận các vị trí công việc tại ngân hàng như: giao dịch viên, tín dụng, thanh toán quốc tế, ngân quỹ... tại các ngân hàng thương mại.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học cái nhìn khái quát về cách thức tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại. Những kiến thức của học phần được trình bày một cách có hệ thống từ những vấn đề cơ bản trong hoạt động kinh doanh ngân hàng đến những tình huống thực tế. Môn học tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, vai trò và kỹ thuật nghiệp vụ ngân hàng như: huy động vốn, tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại hối... Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với phần mềm mô phỏng Core banking để có

những trải nghiệm thực tế về môi trường làm việc tại ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

33. Thị trường chứng khoán

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần hướng đến cung cấp các kiến thức liên quan đến các giao dịch chứng khoán trên thị trường. Kỳ vọng người học có thể nắm nhận các vị trí công việc định giá các loại chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư; phân tích, lựa chọn việc phát hành chứng khoán nào có lợi cho doanh nghiệp trong điều kiện cụ thể. Ngoài ra, học phần còn hỗ trợ các kiến thức giúp người học có thể tư vấn cho nhà môi giới, nhà đầu tư về vấn đề đạo đức kinh doanh và đầu tư chứng khoán.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kiến thức về sự ra đời và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế. Học phần trình bày, mô tả các loại hàng hoá trên thị trường chứng khoán; cách thức tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán; công ty chứng khoán; quỹ đầu tư chứng khoán; hệ thống thông tin, thanh tra, giám sát thị trường chứng khoán. Học phần còn giới thiệu, mô tả các phương pháp định giá chứng khoán để làm cơ sở ra quyết định đầu tư.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

34. Tiền số và công nghệ blockchain

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, Người học có thêm kiến thức, kỹ năng, và tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp để tìm kiếm việc đúng với sở thích và năng lực trong lĩnh vực tiền số và công nghệ Blockchain. Từ đó, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tiền số và công nghệ Blockchain. Kỳ vọng người học có thể nắm nhận các vị trí công việc tại các tổ chức thực hiện hoạt động liên quan đến lĩnh vực tiền số và công nghệ Blockchain.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Tiền số và công nghệ Blockchain là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Fintech thuộc ngành Công nghệ tài chính nhằm giúp Người học củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc lĩnh vực tiền số và công nghệ Blockchain, bổ sung thêm kỹ năng và tự chịu trách nhiệm khi đối mặt và xử lý các vấn đề có liên quan đến tiền số và công nghệ Blockchain bao gồm các nội dung như cơ chế vận hành, ứng dụng, rủi ro và các quy định có liên quan.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

35. Học máy

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Phân tích dữ liệu với Python.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, người học phải phân biệt được các nhóm thuật toán cơ bản của học máy, lựa chọn được loại thuật toán để áp dụng cho một công việc cụ thể. Người học phải triển khai được các thuật toán cơ bản của một quá trình “dạy” cho máy học cho một công việc cụ thể, sử dụng được một phần mềm R/Python để triển khai các thuật toán này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu đến người học khái niệm học máy (machine learning) và các kỹ thuật, thuật toán về học máy và các phương pháp đánh giá quá trình “học” của máy.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

36. Thực hành nghề nghiệp công nghệ tài chính

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Các học phần kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Thực hành nghề nghiệp, hướng đến mục tiêu củng cố những kiến thức lý thuyết cho người học thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực Công nghệ tài chính. Học phần này, kỳ vọng người học có thể đảm nhận các vị trí công việc tại các đơn vị.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực hành nghề nghiệp là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính nhằm giúp người học củng cố những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực Công nghệ tài chính.

Trong học phần này, người học yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực Công nghệ tài chính. Hoạt động thực hành nghề nghiệp được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ công nghệ tài chính của doanh nghiệp.

Kết thúc hoạt động này, người học yêu cầu hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến doanh nghiệp có hoạt động trong ngành Công nghệ tài chính.

Học phần này sẽ giúp người học sẽ có thêm các kỹ năng thích ứng, tự chủ và tự chịu trách nhiệm phù hợp cho bản thân để chuẩn bị cho công việc sau khi ra trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

37. Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về quản lý và phân tích dữ liệu trong lĩnh vực tài chính. Người học có khả năng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu để hỗ trợ quản lý và ra các quyết định tài chính. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích và trình bày kết quả phân tích dữ liệu tài chính. Kết thúc học phần, người học có khả năng ứng dụng các kiến thức và kỹ năng để đảm nhận các vị trí công việc như: chuyên viên quản lý dữ liệu tài chính, chuyên gia phân tích dữ liệu tài chính, hoặc các vị trí công việc liên quan đến phát triển ứng dụng và quản lý dữ liệu trong các tổ chức tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính là học phần thuộc chuyên ngành Công nghệ tài chính. Học phần trang bị cho người học kiến thức về quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, bao gồm: tổng quan về cơ sở dữ liệu trong tài chính; quản lý cơ sở dữ liệu trong tài chính; phân tích dữ liệu trong tài chính. Ngoài ra, học phần còn làm rõ việc ứng dụng cơ sở dữ liệu trong thị trường tài chính và tổ chức tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

38. Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu lớn trong tài chính và ứng dụng các nguồn dữ liệu lớn trong tài chính. Người học có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ phân tích dữ liệu lớn để hỗ trợ quản lý và ra các quyết định tài chính. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích và trình bày kết quả phân tích dữ liệu lớn trong tài chính. Kết thúc học phần, người học có khả năng ứng dụng các kiến thức và kỹ năng để đảm nhận các vị trí công việc như: chuyên viên quản lý dữ liệu tài chính, chuyên gia phân tích dữ liệu tài chính, hoặc các vị trí công việc liên quan đến phát triển ứng dụng, quản lý và phân tích dữ liệu lớn trong các tổ chức tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính là học phần thuộc chuyên ngành Công nghệ tài

chính. Học phần trang bị cho người học kiến thức về phân tích dữ liệu lớn trong tài chính, bao gồm: tổng quan về dữ liệu lớn; ứng dụng các nguồn dữ liệu lớn trong tài chính; quy trình, công cụ, phương pháp và nội dung phân tích dữ liệu lớn trong tài chính. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các tình huống phân tích dữ liệu lớn trong thị trường tài chính và tổ chức tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

39. Công nghệ tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Máy học

❖ Mô tả tóm tắt nội dung và mục tiêu:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về các loại tiền điện tử, hệ thống thanh toán điện tử và công nghệ tiền điện tử. Từ đó, người học có thể hiểu các ứng dụng công nghệ vào việc thiết kế, vận hành, phát triển và bảo mật hệ thống thanh toán điện tử nhằm tạo ra các tiện ích cho doanh nghiệp và khách hàng. Kỳ vọng người học có thể đảm nhận các vị trí công việc như: chuyên viên phân tích dữ liệu, phân tích tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ... tại các tổ chức tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về các loại tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử, bao gồm quy trình thiết kế, vận hành, phát triển và bảo mật hệ thống thanh toán tiền điện tử. Đồng thời giúp người học trang bị các kiến thức về ứng dụng công nghệ và phương pháp để triển khai hệ thống thanh toán điện tử, vận dụng các kiến thức này trong các vị trí như nhà phát triển hệ thống thanh toán điện tử, chuyên viên bảo mật hệ thống, và các vai trò liên quan đến công nghệ tiền điện tử trong các tổ chức tài chính và công nghệ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

40. Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Học máy

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được các thuật toán trí tuệ nhân tạo và áp dụng trí tuệ nhân tạo và học máy vào các hoạt động giao dịch nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh thực tế trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Từ đó người học thực hiện và phát triển các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ tài chính ngân hàng và diễn giải những xu hướng đang tác động tới lĩnh vực tài chính ngân hàng nói chung và công nghệ tài chính ngân hàng nói riêng, từ đó hình thành khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường ngành.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học giúp cho người học có khả năng áp dụng các thuật toán, các mô hình định lượng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và học máy; các kỹ thuật phân tích dữ liệu vào trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động giao dịch như chiến lược đầu tư, các sản phẩm tài chính – ngân hàng, xây dựng danh mục đầu tư, dữ liệu, hệ thống kiểm định đều được đặt trong bối cảnh là các giao dịch định lượng cụ thể. Môn học này là sự kết hợp giữa toán học, kỹ năng lập trình, trí tuệ nhân tạo và máy học để phát triển các thuật toán, áp dụng các mô hình định lượng trong hoạt động đầu tư, tài chính và hoạt động kinh doanh ngân hàng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

41. Phân tích dữ liệu với Python

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này người học hiểu cách lập trình Python để thực hiện các dự án phân tích dữ liệu; nắm vững kiến thức về phân tích dữ liệu với các thư viện Numpy, Pandas, Matplotlib, Scikit-learn; vận dụng thành thạo các thư viện trong Python để thu thập, tiền xử lý, làm sạch dữ liệu; có khả năng sử dụng Python để trực quan hóa dữ liệu. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ có ý thức về việc phát triển năng lực chuyên môn cá nhân và nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng ngôn ngữ lập trình để phân tích dữ liệu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để phân tích dữ liệu như các kiến thức tổng quan về phân tích dữ liệu, ngôn ngữ lập trình Python, tiền xử lý dữ liệu, phân tích và trực quan dữ liệu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

42. Hợp đồng thông minh

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về ứng dụng của công nghệ blockchain và nền tảng Ethereum. Từ đó có thể phát triển và triển khai hợp đồng thông minh cũng như các ứng dụng phi tập trung (DApp), tài chính phi tập trung (DeFi). Người học sẽ được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá và áp dụng các giải pháp kỹ thuật trong việc xây dựng và quản lý hợp đồng thông minh, đồng thời nhận thức về các vấn đề pháp lý và đạo đức liên quan. Kỳ vọng người học có thể áp dụng các kỹ năng này để phát triển và triển khai các ứng dụng phân tán, làm việc trong các vị trí như: nhà phát triển hợp đồng thông minh, hoặc trong các vị trí liên quan đến quản lý rủi ro và hệ thống tự động hóa trong các tổ chức tài chính, ngân hàng.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần giới thiệu và khám phá về hợp đồng thông minh trong lĩnh vực công nghệ tài chính. Những kiến thức của học phần được trình bày một cách có hệ thống từ những khái niệm cơ bản về hệ sinh thái Ethereum, hợp đồng thông minh, đến các ứng dụng thực tế đang được áp dụng trong ngành tài chính - ngân hàng. Môn học tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, vai trò và kỹ thuật phát triển hợp đồng thông minh như: tổng quan về Ethereum, mã hóa, ví Ethereum, giao dịch, các loại token, ứng dụng phi tập trung (DApp), Oracles, cơ chế đồng thuận và bảo mật. Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với các dự án thực tế và các công cụ phát triển hợp đồng thông minh để có những trải nghiệm về công nghệ này, hiểu được các vấn đề đạo đức và pháp lý có liên quan.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

43. Khóa luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 03

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định hiện hành về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần tạo điều kiện cho Người học tiếp cận thực trạng công nghệ tài chính tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần khóa luận tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính, được thực hiện với sự hướng dẫn của giảng viên. Người học đi thực tập tại các doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức tài chính trung gian, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính – ngân hàng, để vận dụng các kiến thức nhằm thực hiện các quy trình, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng và đánh giá được tình hình thực tiễn tại các đơn vị. Người học phát triển triển kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý các tình huống, quản lý thời gian và tư duy sáng tạo trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ, quy trình trong lĩnh vực tài chính ngân hàng..

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(MR), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

44. Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Theo quy định hiện hành về Thực tập tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần Thực tập cuối khóa, người học có thể:

Thứ nhất, vận dụng được kiến chuyên ngành để thực hiện các nghiệp vụ công nghệ tài

chính.

Thứ hai, diễn giải các nghiệp vụ được thực hành; đánh giá về quy trình thực hiện các nghiệp vụ; phát hiện được ưu điểm, hạn chế của những nghiệp vụ; đề xuất giải pháp cho đơn vị và phân tích bài học kinh nghiệm đúc kết cho bản thân sau khi thực hành.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thực tập cuối khóa được thực hiện với sự hướng dẫn của giảng viên được phân công. Người học đi thực tập tại một đơn vị là doanh nghiệp liên quan đến công nghệ tài chính. Người học vận dụng kiến thức để tham gia vào các hoạt động thực tiễn, thực hành các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Công nghệ tài chính tại đơn vị. Từ đó giúp người học nâng cao được kỹ năng quan sát, tổng hợp, đánh giá thông tin, vận dụng các kiến thức đã học vào sự vận hành hoạt động kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp cụ thể và giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Kết thúc quá trình thực tập, người học cần hoàn thành Báo cáo thực tập mô tả và phân tích ưu nhược điểm của các quy trình, nghiệp vụ, hoạt động của đơn vị mà được người học thực hành, đồng thời đúc kết kinh nghiệm về kỹ năng và kiến thức để thực hiện thành thạo các nghiệp vụ và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp trong tương lai.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(MR), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

45. Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học có thể thực hiện các nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực Fintech trên 4 lĩnh vực chính: thanh toán, cho vay, quản lý tài sản, và bảo hiểm. Người học sẽ được trang bị kỹ năng thao tác trên các nền tảng Fintech hiện đại, bao gồm việc thực hiện các giao dịch thanh toán, quản lý các khoản vay, điều hành danh mục tài sản, và thực hiện các nghiệp vụ bảo hiểm. Bên cạnh đó, Người học còn có khả năng xử lý các tình huống phát sinh khi thực hiện các nghiệp vụ Fintech thực tế. Kỳ vọng người học có thể đảm nhận các vị trí công việc trong các công ty Fintech hoặc bộ phận công nghệ tài chính của các tổ chức tài chính, có khả năng nắm vững quy trình và kỹ thuật cần thiết trong các lĩnh vực này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính giới thiệu nội dung và định hình các lĩnh vực áp dụng của công nghệ tài chính. Cụ thể ứng dụng công nghệ tài chính được phân chia theo 4 lĩnh vực chính: lĩnh vực thanh toán (payments industry), lĩnh vực cho vay (lending industry), lĩnh vực quản lý tài sản (wealth management industry), và lĩnh vực bảo hiểm (insurance industry). Học phần này giúp rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho người học, từ đó giúp người học có khả năng làm việc tại doanh nghiệp trong

lĩnh vực công nghệ tài chính ngay sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLO3(MR), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R)/.



HIỆU TRƯỞNG ✓

Phạm Tiến Đạt

TRƯỞNG KHOA
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Nguyễn Thị Mỹ Linh

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. GIÁO TRÌNH CHÍNH SỬ DỤNG GIẢNG DẠY

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật	2022	Triết học Mác – Lênin
2	Triết học Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Triết học Mác - Lênin
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Đại cương về Nhà nước và pháp luật	Đào Trí Úc-Hoàng Thị Kim Quế	ĐHQG Hà Nội	2023	Pháp luật đại cương
7	Business Partner – Student’s book – A2+	O’Keeffe, M., Landford, L., Wright, R. (et al)	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh
8	Business Partner – Student’s book – B1	O’Keeffe, M., Landford, L., Wright, R. (et al)	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
9	Năng lực số	Đỗ Văn Hùng, Phạm Hải Chung, Nguyễn Thị Kim Dung, Phan Thanh Đức, Lê Quốc Hải, Trần Đức Hòa, Mai Anh Thơ, Bùi Thanh Thúy	Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	Năng lực số
10	Toán cơ sở cho kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính		Toán kinh tế
11	Kinh tế học vi mô	PGS.TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	Tài chính	2024	Kinh tế học vi mô
12	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	Tài chính	2022	Kinh tế học vĩ mô

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
13	Nguyên lý kế toán	TS. Ngô Thị Mỹ Thúy (chủ biên) và cộng sự	Tài chính	2022	Nguyên lý kế toán
14	Nguyên lý marketing	Dư Thị Chung và tập thể tác giả	Tài chính	2024	Nguyên lý Marketing
15	Quản trị học	TS Cảnh Chí Hoàng	Tài chính	2021	Quản trị học
16	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	Tài chính	2024	Tài chính – Tiền tệ
17	Luật Kinh tế	TS. Phạm Thị Huyền Sang	Đại học Vinh	2023	Luật kinh doanh
18	Thuế 1	TS. Lê Quang Cường - TS. Nguyễn Kim Quyên	Kinh tế	2023	Thuế
19	Tài chính doanh nghiệp 1	TS. Bùi Hữu Phước	Lưu hành nội bộ	2017	Tài chính doanh nghiệp
20	Tài chính doanh nghiệp 2	TS. Bùi Hữu Phước	Tài chính	2022	Tài chính doanh nghiệp nâng cao
21	Tài chính quốc tế	GS.TS. Nguyễn Văn Tiến	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2023	Tài chính quốc tế
22	Tài chính cá nhân	PGS.TS. Đỗ Hoài Linh	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2023	Tài chính cá nhân
23	Khởi nghiệp kinh doanh: Lý thuyết, quá trình, thực tiễn	Kuratko	Hồng Đức	2019	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
24	Kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính		Kinh tế lượng
25	Successful Algorithmic Trading	Michael L.Halls – Moore	Quantstart	2015	Phát triển bền vững
27	Kế toán tài chính 1	TS. Trần Hồng Vân	Tài chính	2024	Kế toán tài chính
28	Tài chính công	TS. Nguyễn Thế Khang và cộng sự	Tài chính	2023	Tài chính công
29	Hành vi người tiêu dùng	Nguyễn Xuân Trường, Ngô Vũ Quỳnh	Thanh niên	2020	Hành vi khách hàng

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Thi, Nguyễn Thái Hà, & Ninh Đức Cúc Nhật			
30	Principles of Risk Management and Insurance	Rejda, G. E. & McNamara, M. J	Pearson	2020	Nguyên lý bảo hiểm
31	Kiểm toán căn bản	Ngô Nhật Phương Diễm và cộng sự	Tài chính	2023	Kiểm toán căn bản
32	Ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	Tài chính	2019	Ngân hàng thương mại
33	Kinh doanh Ngoại hối	Phạm Quốc Việt	Tài chính	2016	Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế
34	Investment Banks, Hedge Funds, and Private Equity	David Stowell	Academic Press	2017	Ngân hàng đầu tư
35	Ngân hàng Trung ương	Trần Huy Hoàng	Tài chính	2018	Ngân hàng Trung ương
36	Quản trị ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	Lao động xã hội	2014	Quản trị ngân hàng, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.
37	Thị trường chứng khoán	Phạm Tiến Đạt	Tài chính	2021	Thị trường chứng khoán, Kinh trong chứng khoán trong các định chế tài chính
38	Thẩm định tín dụng	Trần Huy Hoàng	Tài chính	2020	Thẩm định tín dụng
39	Ngân hàng quốc tế 1	Trần Huy Hoàng Lê Thị Thuý Hằng	Tài chính	2020	Thanh toán quốc tế, Ngân hàng quốc tế
40	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	Lê Thị Thuý Hằng	Tài chính	2022	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng
41	Thị trường chứng khoán phái sinh	Trần Huy Hoàng	Tài chính	2022	Thị trường chứng khoán phái sinh
42	Xếp hạng tín dụng	Phan Thị Hằng Nga	Tài chính	2021	Xếp hạng tín dụng
43	Mastering the Business of Global Trade	Thomas A. Cook	Taylor & Francis Group	2016	Thanh toán quốc tế qua ngân hàng, Ngân hàng quốc tế
44	Big Data Science in Finance	Aldridge, I. and	Wiley	2021	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Avellaneda, M.			
45	Big Data in Finance: Opportunities and Challenges of Financial Digitalization	Walker, T., Davis, F. and Schwartz, T.	Palgrave Macmillan Cham.	2022	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính
46	Data Science for Economics and Finance: Methodologies and Applications	Consoli, S., Recupero, D. R. and Saisana, M.	Springer	2021	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính
47	A Primer in Financial Data Management	Groot, M.	Academic Press (Elsevier)	2017	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính
48	Bảo hiểm thương mại	Nguyễn Văn Định & Nguyễn Thị Hải Đường	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân	2020	Công nghệ Bảo hiểm
49	A/S/M SOA Exam LTAM: Study Manual	Abraham, W.	Actuarial Study Materials	2018	Công nghệ Bảo hiểm
50	Actuarial mathematics for life contingent risks	Dickson, D.C., Hardy, M.R. and Waters, H.R.	Cambridge University Press	2019	Công nghệ Bảo hiểm
51	Mastering Ethereum: Building smart contracts and Dapps	Antonopoulos, Andreas M and Wood, Gavin	O'reilly Media	2018	Hợp đồng thông minh
52	Basics of blockchain: a guide for building literacy in the economics, technology, and business of blockchain	Warburg, Bettina and Wagner, Bill and Serres, Tom	Animal Ventures LLC	2019	Hợp đồng thông minh

2. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TỰ HỌC/TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Những nguyên lý triết học	Nguyễn Thế Nghĩa	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật		Triết học Mác – Lênin
2	Thường thức về Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật	2024	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
3	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Chính trị Quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
6	Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1 – 15	Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	Chính trị Quốc gia	2017	Tư tưởng Hồ Chí Minh
8	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	CTQG Sự thật	2023	Pháp luật đại cương
9	Business Vocabulary in Use – Pre – Intermediate.	Mascull, B.	Cambridge	2017	Tiếng Anh trong kinh doanh
10	Business Vocabulary in Use – Intermediate	Bill, M	Cambridge	2017	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
11	Excel Power Query và Power Pivot Cơ bản – Tự động hóa dữ liệu báo cáo	Nguyễn Quang Vinh	Văn hóa Thông tin	2023	Năng lực số

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
12	Tin học ứng dụng	Trương Thành Công, Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Thanh San, Nguyễn Quốc Thanh, Nguyễn Thanh Trường, Huỳnh Ngọc Thành Trung	Tài chính	2023	Năng lực số
13	Digital Literacies and Interactive Media. A Framework for Multimodal Analysis	Earl Aguilera	Routledge Research in Literacy Education	2023	Năng lực số
14	Toán cao cấp	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2018	Toán kinh tế
15	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2018	Toán kinh tế
16	Applied Calculus For Business, Economics	Laurence D. Hoffmann, Gerald L. Bradley	Mc. Graw - Hill Companies	2010	Toán kinh tế
17	Principles of Microeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế học vi mô
18	Principles of Macroeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế học vĩ mô
19	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu và cộng sự		2011	Nguyên lý Marketing
20	Principles of Marketing	Kotler, P., Armstrong, G., & Balasubramanian, S.		2023	Nguyên lý Marketing
21	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu và cộng sự		2011	Nguyên lý Marketing

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
22	Principles of Marketing	Kotler, P., Armstrong, G., & Balasubramanian, S.		2023	Nguyên lý Marketing
23	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	Tài chính	2024	Tài chính-Tiền tệ
24	Luật Kinh tế	TS. Nguyễn Thị Dung	Tư pháp	2022	Luật kinh doanh
25	Thuế	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Đại học Quốc gia Hà Nội		Thuế
26	Tax systems	Joel Slemrod & Christopher Gillitzer	MIT Press	2013	Thuế
27	Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jaffe	McGraw Hill	2019	Tài chính doanh nghiệp
28	Khởi nghiệp kinh doanh: Lý thuyết, quá trình, thực tiễn	Kuratko	Hồng Đức	2019	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
29	Kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính		Kinh tế lượng
30	Introduction to Sustainable Development Goals (SDGs)	Baker, J	Open Library Publishing Platform	2023	Phát triển bền vững
31	Sustainability and Sustainable Development: An Introduction	Benton-Short, L	Rowman & Littlefield	2023	Phát triển bền vững
32	Quantitative trading : how to build your own algorithmic trading business	Ernest P. Chan	John Wiley & Sons	2021	Trí Tuệ Nhân tạo trong kinh doanh
33	26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (2001-2006)	Bộ Tài chính	Tài chính	2008	Kế toán tài chính
34	Chế độ kế toán doanh nghiệp: Quyển 1,2 Hệ thống tài khoản kế	Bộ Tài chính	Tài chính	2015	Kế toán tài chính

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	toán (Thông tư số 200/2014/ TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp)				
35	Kế toán tài chính Q.1	Nguyễn Xuân Hưng chủ biên ... [và những người khác]	Kinh tế TP.HCM	2015	Kế toán tài chính
36	Kế toán tài chính	Võ Văn Nhị chủ biên ... [và những người khác]	Kinh tế TP.HCM	2018	Kế toán tài chính
37	Luật kế toán số 88/2015/QH13	Quốc hội	Chính trị Quốc gia - Sự thật	2015	Kế toán tài chính
38	Financial Accounting	Agrawal, D. & Yadav, A.K	Thakur Publication Pvt.Ltd	2022	Kế toán tài chính
39	Intermediate Accounting: IFRS Edition (Fourth Edition)	Kieso, D.E, Weygand, J.J, Warfield, T.D	John Wiley & Sons, Inc	2020	Kế toán tài chính
40	Financial accounting	John Hoggett, [ect...]	John Wiley & Sons Australia	2012	Kế toán tài chính
41	Tài chính công	Nguyễn Thị Cành chủ biên.	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,	2014	Tài chính công
42	Giáo trình lý thuyết quản lý tài chính công	Hoàng Thị Thúy Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh đồng chủ biên...	Tài chính,	2016	Tài chính công
43	Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2022	Hành vi khách hàng
44	Consumer Behavior: Building Marketing Strategy.	Mothersbaugh, D., Hawkins, D. I.	McGraw-Hill.	2016	Hành vi khách hàng
45	Consumer Behaviour – Buying, having and being	Solomon, M. R	Pearson	2020	Hành vi khách hàng
46	Principles of Auditing and Other Assurance Services	O. Ray Whittington, Kurt Pany	McGraw-Hill	2016	Kiểm toán căn bản

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
47	EMC Education Services	Data Science and Big Data Analytics: Discovering, Analyzing, Visualizing and Presenting Data	Wiley	2015	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính
48	Financial Data Analytics: Theory and Application	Köseoglu, S. D.	Springer	2022	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính
49	The Palgrave Handbook of FinTech and Blockchain	Maurizio Pompella and Roman Matousek	Palgrave Macmillan Cham	2021	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, Công nghệ tài chính
50	The Fintech Book	Susanne Chishti and Janos Barberis	Wiley	2016	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, Công nghệ tài chính
51	Fintech and the Remaking of Financial Institutions	John Hill	Academic Press (Elsevier)	2018	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, Công nghệ tài chính
52	Mastering Blockchain: Unlocking the Power of Cryptocurrencies, Smart Contracts and Decentralized Applications	Lantz, Lorne and Cawrey, Daniel	O'Reilly Media	2020	Hợp đồng thông minh
53	Ứng dụng Python trong tài chính	Nguyễn Anh Phong, Nguyễn Thành Cường, Phan Huy Tâm, Ngô Phú Thanh	Đại học Quốc gia TP.HCM	2020	Phân tích dữ liệu với Python
54	Máy học trong Kinh tế - Kinh doanh - Tài chính	Nguyễn Anh Phong, Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Thanh Liêm, Phan Huy Tâm, Ngô Phú Thanh	Đại học Quốc gia TP.HCM	2024	Máy học

3. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 17/TT/2021-BGDĐT VÀ THÔNG TƯ SỐ 02/TT/2022-BGDĐT

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
1	Đỗ Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	Triết học	Triết học Mác – Lênin
2	Phạm Lê Quang		Tiến sĩ, 2010, Việt Nam	Triết học	Triết học Mác – Lênin
3	Ngô Quang Thịnh		Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
4	Bùi Thanh Tùng		Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
5	Nguyễn Ngọc Võ Khoa		Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Lê Thị Hoài Nghĩa		Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
7	Bùi Minh Nghĩa		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
8	Nguyễn Thị Túy		Tiến sĩ, 2022, Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
9	Lê Thị Thủy		Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
10	Trần Hạ Long		Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
11	Mạch Ngọc Thủy		Thạc sĩ, 2004, Việt Nam	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
12	Vũ Văn Quế		Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
13	Đàm Đức Tuyên		Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Luật học, Luật Hành chính	Pháp luật đại cương
14	Thái Thị Tường Vi		Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Luật Kinh tế	Pháp luật đại cương
15	Trần Thị Huyền Trang		Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Luật học, Luật Kinh tế	Pháp luật đại cương
16	Nguyễn Thị Công Dung		Ths, 2009, VN	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Tiếng Anh trong kinh doanh
17	Lê Thị Thanh Trúc		Thạc sĩ, 2007, Vietnam	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Tiếng Anh trong kinh doanh

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
18	Trần Thúy Quỳnh My		Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	LL&PPGD Tiếng Anh	Tiếng Anh trong kinh doanh
19	Dương Thị Thu Hiền		Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	LL&PPGD Tiếng Anh	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
20	Lê Xuân Quỳnh Anh		Thạc sĩ, 2013, Úc (Liên kết đào tạo)	LL&PPGD Tiếng Anh	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
21	Vũ Thị Thanh Hương		Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Khoa học máy tính	Năng lực Số
22	Nguyễn Huy Khang		Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Khoa học máy tính	Năng lực Số
23	Nguyễn Tuấn Duy	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Toán Giải tích	Toán kinh tế
24	Phan Trí Kiên		Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Toán Giải tích	Toán kinh tế
25	Trần Văn Hùng	PGS, 2022	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Kinh tế học	Kinh tế học vi mô
26	Nguyễn Bá Thanh		Thạc sĩ, 2005, Việt Nam	Kinh tế phát triển	Kinh tế học vi mô
27	Phan Ngọc Yến Xuân		Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Chính sách công	Kinh tế học vĩ mô
28	Nguyễn Thị Hào		Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học vĩ mô
29	Ung Hiền Nhã Thi		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Nguyên lý kế toán
30	Nguyễn Thị Ngọc Oanh		Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Kế toán	Nguyên lý kế toán
31	Mai Thoại Diễm Phương		Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Quản trị Kinh doanh	Quản trị học
32	Tô Anh Thơ		Tiến sĩ, 2020, Nhật Bản	Kinh tế, Quản trị kinh doanh	Quản trị học
33	Vũ Thanh Tùng		Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Tài chính- Ngân hàng	Tài chính – Tiền tệ
34	Đỗ Mạnh Thắng		Thạc sĩ, 2018, Anh Quốc	Quản lý tài chính - kế toán	Tài chính – Tiền tệ

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
35	Ngô Thị Duyên		Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Luật học, Luật Dân sự	Luật kinh doanh
36	Nguyễn Thị Hương Thảo		Thạc sĩ, 2022, Việt Nam	QTKD, Luật Kinh doanh	Luật kinh doanh
37	Nguyễn Thanh Nhã		Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Thuế
38	Huỳnh Như Quang		Thạc sĩ, 1999, Việt Nam	Kinh tế	Thuế
39	Trần Phạm Trác		Thạc sĩ, 2002, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
40	Nguyễn Minh Phúc		Tiến sĩ, 2021, Úc	Kinh tế	Tài chính doanh nghiệp, Thực hành nghề nghiệp công nghệ tài chính, Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính, Thực tập cuối khóa, Khóa luận tốt nghiệp
41	Trần Vĩnh Hoàng		Tiến sĩ, 2022, Việt Nam	Quản lý kinh tế	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
42	Trần Việt Trinh		Thạc sĩ, 2019, Mỹ	Quản trị kinh doanh	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
43	Nguyễn Văn Phong		Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Toán giải tích	Kinh tế lượng
44	Phạm Thi Thu Hiền		Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Lý thuyết tối ưu và hệ thống	Kinh tế lượng
45	Đỗ Gioan Hảo		Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Kinh tế phát triển	Phát triển bền vững
46	Lê Trường Hải		Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Chính sách công	Phát triển bền vững
47	Nguyễn Thị Trần Lộc		Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Hệ thống thông tin quản lý	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh, Phát triển hệ thống thương mại điện tử

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
48	Phạm Thủy Tú		Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Công nghệ thông tin, Tài chính ngân hàng	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh
49	Trần Hồng Vân		Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Kế toán	Kế toán tài chính
50	Phạm Thị Xuân Thảo		Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Tài chính - ngân hàng	Kế toán tài chính
51	Nguyễn Thị Tố Nga		Thạc sĩ, 2019 Việt Nam	Chính sách công	Tài chính công
52	Lê Thị Mỹ Ngân		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính công
53	Nguyễn Ngọc Bích Trâm		Thạc sĩ, 2024, Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Hành vi khách hàng
54	Phạm Thị Lan Phương		Thạc sĩ, 2019, Úc	Marketing	Hành vi khách hàng
55	Nguyễn Quang Minh		Tiến sĩ, 2016, Việt Nam	Tài chính- Ngân hàng	Nguyên lý bảo hiểm
56	Nguyễn Việt Hồng Anh		Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Nguyên lý bảo hiểm
57	Phạm Thanh Truyền		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Nguyên lý bảo hiểm
58	Ngô Nhật Phương Diễm		Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Kế toán	Kiểm toán căn bản
59	Dương Hoàng Ngọc Khuê		Tiến sĩ 2019, Việt Nam	Kế toán	Kiểm toán căn bản
60	Ung Hiền Nhã Thi		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Kiểm toán căn bản
61	Nguyễn Thị Ngọc Oanh		Thạc sĩ, 2017, Việt Nam	Kế toán	Kiểm toán căn bản
62	Nguyễn Thị Minh Hằng		Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Kiểm toán căn bản
63	Lê Thị Thúy Hằng	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2019, Trường đại học Ngân	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
			hàng		
64	Nguyễn Mậu Bá Đăng		Ths, 2012, Trường ĐH Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
65	Nguyễn Vũ Duy		Thạc sĩ, 2012, DH Ngân Hàng	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
66	Tô Thị Hồng Gấm		Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
67	Nguyễn Vũ Thân		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tài chính-Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
68	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, 2024, Việt Nam	Quản lý kinh tế	Ngân hàng thương mại
69	Trần Thị Phương Thanh		Thạc sĩ, 2019, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
70	Phan Thị Hương		Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
71	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, 2024, Việt Nam	Quản lý kinh tế	Ngân hàng số
72	Phan Thị Hương		Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Thẩm định tín dụng
73	Trần Thị Phương Thanh		Thạc sĩ, 2019, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh ngoại hối
74	Nguyễn Mậu Bá Đăng		Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị ngân hàng
75	Nguyễn Vũ Duy		Thạc sĩ, 2012, DH Ngân Hàng	Tài chính - Ngân hàng	Xếp hạng tín dụng
76	Tô Thị Hồng Gấm		Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Thanh toán quốc tế
77	Nguyễn Vũ Thân		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Tài chính-Ngân hàng	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng
78	Lê Thị Thúy Hằng	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị ngân hàng

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
79	Bùi Ngọc Toàn		Tiến sĩ, 2022, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính
80	Hồ Thị Lam		Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng
81	Nguyễn Trần Xuân Linh		Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Công nghệ bảo hiểm, Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử
82	Phạm Đức Huy		Tiến sĩ, 2023, Việt Nam	Tài chính - Ngân hàng	Tiền số và công nghệ blockchain
83	Trần Khánh Quỳnh		Thạc sĩ, 2022	Tài chính - Ngân hàng	Hợp đồng thông minh
84	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt		Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Hệ thống thông tin quản lý	Phân tích dữ liệu với Python
85	Trương Thành Công		Tiến sĩ, 2021, Czech Republic	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng;	Phân tích dữ liệu với Python
86	Nguyễn Tuấn Duy	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Toán Giải tích	Học máy
87	Phạm Thủy Tú		Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Công nghệ thông tin, Tài chính ngân hàng	Học máy
88	Trần Thanh San		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Khoa học máy tính	Cơ sở lập trình
89	Trương Xuân Hương		Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Khoa học máy tính	Cơ sở dữ liệu
90	Phạm Thủy Tú		Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Công nghệ thông tin, Tài chính ngân hàng	Phân tích và khai thác dữ liệu
91	Nguyễn Thị Trần Lộc		Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Hệ thống thông tin quản lý	Phân tích và khai thác dữ liệu

4. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN HỖ TRỢ CẤP KHOA/PHÒNG

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Chuyên viên chính	Khoa Tài chính - Ngân hàng	Thư ký Khoa	
2	Bùi Võ Thảo Nhi	Chuyên viên	Khoa Tài chính - Ngân hàng	Thư ký Khoa	

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Có đề cương chi tiết kèm theo)

E. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu chương trình đào tạo với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

TLGD, SM	Mục tiêu chung	POs						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
Triết lý giáo dục								
Triết lý giáo dục của trường đại học Tài chính – Marketing trong giai đoạn tới là: “Thực chất, đổi mới sáng tạo và hội nhập”.		X	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng của Trường								
Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.		X	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với
Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

[illegible]

TLGD, SM	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 3. ma trận tương thích giữa học phần, khối lượng kiến thức với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
a	Kiến thức lý luận chính trị										
1	Triết học Mác – Lênin	I				R				R	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	I				R				R	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I				R				R	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I				R				R	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				R				R	
b	Kiến thức pháp luật										
6	Pháp luật đại cương	I						R			R
c	Ngoại ngữ										
7	Tiếng Anh trong kinh doanh					R					I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao					M					I
d	Toán – Tin học										
9	Năng lực số		R							R	R
10	Toán kinh tế	I		R	R	R				I	
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp											
a	Kiến thức cơ sở ngành										
11	Kinh tế học vi mô	R				R				R	
12	Kinh tế học vĩ mô	I				R				R	
13	Nguyên lý kế toán	I					I	I		R	
14	Nguyên lý Marketing	I		I				I		I	I
15	Quản trị học	I				M					R
16	Tài chính – Tiền tệ			R				R		R	R

[illegible]

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
41	Phân tích dữ liệu với Python			R				R		R	R
42	Hợp đồng thông minh			R				R		R	R
3. Tốt nghiệp											
43	Khóa luận tốt nghiệp			A	A			A	A	R	R
	Hoặc										
44	Thực tập cuối khóa			A	A			A	A	R	R
45	Học phần thay thế: Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính			A	A			A	A	R	R

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Phụ lục 4. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính với chương trình đào tạo của các trường khác

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing (UFM)			Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH)			Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB)			Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL)		
	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương												
1	Triết học Mác – Lênin	3		Triết học Mác – Lênin	3		Triết học Mác – Lênin	3		Triết học Mác – Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	Pháp luật đại cương	3					Pháp luật đại cương	2				
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3		Tiếng Anh lĩnh vực công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP1)	3		Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	3				
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3		Tiếng Anh lĩnh vực công nghệ, truyền thông và thiết kế (HP2)	3							

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing (UFM)			Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH)			Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB)			Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL)		
	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH
9	Năng lực Số	3										
10	Toán kinh tế	3								Toán kinh tế	3	
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
a	Kiến thức cơ sở ngành	39										
11	Kinh tế học vi mô	3		Kinh tế vi mô	3		Kinh tế học vi mô	3		Kinh tế vi mô	3	
12	Kinh tế học vĩ mô	3		Kinh tế vĩ mô	3		Kinh tế học vĩ mô	3		Kinh tế vĩ mô	3	
13	Nguyên lý kế toán	3		Nguyên lý kế toán	3		Nguyên lý kế toán	3		Nguyên lý kế toán	3	
14	Nguyên lý Marketing	3		Chiến lược marketing đổi mới sáng tạo	3		Nguyên lý Marketing	3		Marketing dịch vụ tài chính	2	
15	Quản trị học	3								Quản trị học	3	
16	Tài chính-Tiền tệ	3		Lý thuyết tài chính	3		Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3		Tiền tệ - Ngân hàng	3	
17	Luật kinh doanh	3					Luật kinh doanh	3		Pháp luật doanh nghiệp	3	
18	Thuế	3										
19	Tài chính doanh nghiệp	3		Tài chính doanh nghiệp	3		Tài chính doanh nghiệp trong chuyên	3		Quản trị tài chính	3	

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing (UFM)			Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH)			Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB)			Trường Đại học Kinh tế – Luật (UEL)		
	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3		Khởi nghiệp kinh doanh	3		Khởi nghiệp trong công nghệ tài chính	3		Sáng tạo và khởi nghiệp	2	
21	Kinh tế lượng	3		Kinh tế lượng tài chính	3		Kinh tế lượng	3		Kinh tế lượng	3	
22	Phát triển bền vững	3		Phát triển bền vững	3							
23	Cơ sở lập trình	3		Lập trình căn bản	3		Cơ sở lập trình trong kinh tế	3				
b	Kiến thức ngành	30										
24	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3								Thương mại điện tử	2	
25	Công nghệ bảo hiểm	3								Bảo hiểm	2	
26	Khai phá dữ liệu	3		Trực quan hóa dữ liệu	3					Phân tích dữ liệu	3	
27	Tài chính Công	3										
28	Hành vi khách hàng	3					Tâm lý hành vi khách hàng	3				
29	Tài chính cá nhân	3					Tài chính cá nhân	3		Tài chính cá nhân	2	
30	Tài chính quốc tế	3		Tài chính quốc tế	3					Tài chính quốc tế	3	

[illegible]

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing (UFM)			Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH)			Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB)			Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL)		
	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH
37	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	3					Công nghệ quản lý và giám sát trong ngân hàng	3		Khai thác dữ liệu trong tài chính	3	
	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính						Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính ngân hàng	3		Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	3	
	Nhóm 2											
38	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử	3								Công nghệ tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử	2	
	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng			A.I. trong tài chính – ngân hàng	3		Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	3		Các ứng dụng AI hiện đại trong tài chính	2	
d	Kiến thức bổ trợ ngành	6										
39	Phân tích dữ liệu với Python	3					Lập trình Python trong tài chính ngân hàng	3		Giới thiệu lập trình (Python)	3	
40	Hợp đồng thông minh	3					Hợp đồng thông minh	3				

STT	Trường Đại học Tài chính – Marketing (UFM)			Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH)			Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB)			Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL)		
	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH	Học phần	LT	TH
III	Tốt nghiệp	6										
41	Khóa luận tốt nghiệp	6		Khóa luận tốt nghiệp	6		Khóa luận tốt nghiệp ngành Công Nghệ Tài Chính	9		Khóa luận tốt nghiệp	4	
	Hoặc											
42	Thực tập cuối khóa	3		Thực tập cuối khóa	4		Thực tập cuối khóa ngành Công Nghệ Tài Chính	3		Thực tập cuối khóa	4	
	Học phần thay thế: Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính	3					Ứng dụng học máy trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3		Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 1	3	

4. Trong phòng thi, phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Ngồi đúng vị trí có ghi số báo danh của mình, xuất trình Giấy báo dự thi, Giấy tờ tùy thân hợp lệ theo yêu cầu của CBCT;

b) Trước khi làm bài thi, phải ghi đầy đủ số báo danh, mã đề thi và thông tin cá nhân vào đề thi, Phiếu trả lời trắc nghiệm (TLTN), giấy nháp. Điền chính xác và đủ thông tin vào các mục trống ở phía trên Phiếu TLTN (chỉ được viết bằng một màu mực, không được dùng mực màu đỏ), đối với số báo danh phải ghi đủ và tô đủ phần số (kể cả các số 0 ở phía trước), điền chính xác mã đề thi vào 02 Danh sách dự thi;

c) Khi nhận đề thi, phải kiểm tra kỹ số trang và chất lượng các trang in khi được thông báo từ CBCT. Nếu phát hiện thấy đề thi thiếu trang hoặc rách, hỏng, nhoè, mờ hay các lỗi khác phải báo cáo ngay với CBCT trong phòng thi. Sau khi kiểm tra đề thi, phải úp đề thi, để đề thi dưới tờ Phiếu TLTN; không được xem nội dung đề thi khi CBCT chưa cho phép;

d) Phải làm bài thi trên Phiếu TLTN được in sẵn và được CBCT phát. Không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng. Chỉ được tô bằng bút chì đen các ô số báo danh, ô mã đề thi và ô trả lời. Trong trường hợp tô nhầm hoặc muốn thay đổi câu trả lời, phải tẩy sạch chì ở ô cũ, rồi tô ô mà mình lựa chọn;

đ) Chỉ được sử dụng giấy nháp của Kỳ thi do CBCT phát; không được viết, vẽ lên Giấy báo dự thi hay vật dụng, giấy tờ không do CBCT phát;

e) Không được trao đổi, quay cốp hoặc có những cử chỉ, hành động gian lận và làm mất trật tự phòng thi. Muốn phát biểu phải giơ tay để báo cáo CBCT ;

g) Không được hút thuốc lá, ăn uống gây ồn ào, mất trật tự trong phòng thi;

h) Bảo quản bài thi nguyên vẹn, không để người khác lợi dụng. Nếu phát hiện có người khác xâm hại đến bài thi của mình phải báo cáo ngay cho CBCT để xử lý;

i) Không được nộp bài thi trước khi hết giờ làm bài;

k) Không được rời khỏi phòng thi trong suốt thời gian làm bài thi. Trong trường hợp cần thiết, chỉ được ra khỏi phòng thi khi được phép của CBCT và phải chịu sự giám sát của cán bộ giám sát. Trước khi rời phòng thi, thí sinh cần nộp lại cho CBCT toàn bộ Phiếu TLTN, đề thi, giấy nháp đã được phát ;

l) Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, phải ngừng làm bài ngay. Phải nộp Phiếu TLTN, đề thi (đủ số trang) và giấy nháp (đủ số lượng được phát) cho CBCT và ký tên vào 02 Danh sách dự thi. Thí sinh không làm được bài cũng phải nộp đủ Phiếu TLTN, đề thi, giấy nháp và ký xác nhận vào Danh sách dự thi;

m) Chỉ được rời phòng thi sau khi CBCT đã kiểm đủ số Phiếu TLTN, đề thi, giấy nháp của cả phòng thi và cho phép ra về.

5. Khi có sự việc bất thường xảy ra, phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của CBCT.

